DOI: 10.56794/KHXHVN.11(215).66-73

Bồi thường thiệt hại trong hoạt động cung ứng dịch vụ của văn phòng công chứng

Nguyễn Thị Bảo Anh*

Nhận ngày 6 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 10 năm 2025.

Tóm tắt: Hoạt động công chứng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính pháp lý của các giao dịch dân sự, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và duy trì trật tự xã hội. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành về bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng vẫn còn nhiều bất cập. Nghiên cứu này phân tích các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong công chứng, chỉ ra những bất cập và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Việc bổ sung một số nội dung trong khung pháp lý liên quan đến trách nhiệm bồi thường trong công chứng không chỉ giúp nâng cao trách nhiệm của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng mà còn góp phần tạo ra một môi trường pháp lý an toàn, minh bạch và hiệu quả hơn.

Từ khóa: Bồi thường thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý, văn phòng công chứng.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The notarization activity plays an important role in ensuring the legality of civil transactions, protecting the rights and interests of relevant parties, and maintaining social order. However, the current legal framework on compensation for damages resulting from notarial activities still exhibits many shortcomings. This study analyzes the legal provisions on liability for compensation for damages in notarization, points out these inadequacies and proposes solutions to improve the effectiveness of legal enforcement. Adding some contents to the legal framework related to liability for compensation in notarial activities not only helps to improve the responsibility of notaries and notarization practicing organizations but also contributes to creating a safer, more transparent and effective legal environment.

Keywords: Compensation for damages, professional liability insurance, legal liability, notary office.

Subiect classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Công chứng viên là chức danh bổ trợ tư pháp do Nhà nước bổ nhiệm cho cá nhân có đủ các điều kiện, phẩm chất theo luật định, được Nhà nước giao quyền thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công chứng phục vụ xã hội, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch được công chứng góp phần phòng ngừa tranh chấp và vi phạm pháp luật (Hoàng Mạnh Thắng, 2022: 28).

Để hành nghề công chứng thì công chứng viên phải am hiểu rất nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Có thể thấy đây là một điểm khá đặc trưng của công chứng viên so với các chức danh tư pháp khác (Bùi Thái Hà, 2020: 85). Các yêu cầu công chứng mà các chủ thể thực hiện hoạt động công chứng nhận được có thể liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau từ hôn nhân gia đình, dân sự, thương mại, và đất đai. Bên cạnh đó, ngoài các trường hợp hợp đồng, giao dịch buộc phải công chứng theo quy định của pháp luật thì công chứng viên còn tiếp nhận các yêu cầu công chứng theo đề nghị tự nguyện của các bên. Khi đó, công chứng viên cần sử dụng đúng đắn và linh hoạt kiến thức nghề nghiệp và kỹ năng của mình để hoạt động công chứng được hiệu quả.

* Khoa Luật, Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.
Email: anh.ntb@ou.edu.vn

Ở nhiều quốc gia hiện nay thì công chứng được quy định và hiểu một cách hài hòa, cân bằng hơn, đó là một loại dịch vụ công, có thể hiểu nôm na là một dịch vụ cơ bản thiết yếu phục vụ cho lợi ích của người dân và bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội (Nguyễn Thuỳ Linh, 2024).

Dịch vụ công được hiểu là những hoạt động phục vụ nhu cầu thiết yếu của xã hội và người dân; vì lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội; do Nhà nước trực tiếp đảm nhận hay ủy quyền và tạo điều kiện cho khu vực tư nhân thực hiện. Xã hội hóa dịch vụ công mang đến "lợi ích kép" cho cả khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân. Nhà nước giảm được gánh nặng, tập trung hơn vào công tác quản lý vĩ mô, từ đó tạo điều kiện để khu vực tư nhân có cơ hội đầu tư và cạnh tranh phát triển. Nhiều nhà cung ứng dịch vụ công sẽ tạo ra sự cạnh tranh nên dịch vụ cung cấp được rẻ hơn, tốt hơn; mặt khác, bộ máy Nhà nước cũng trở nên gọn nhẹ và tiết kiệm hơn (Phạm Việt Dũng, 2021).

Công chứng chính thức được coi là một dịch vụ và ghi nhận trong Luật Công chứng năm 2014, đây là một điểm mới rất quan trọng so với Luật Công chứng năm 2006 và các quy định trước đó. Điều 3, Luật Công chứng năm 2014 quy định về chức năng xã hội của công chứng viên như sau: "Công chứng viên cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội". Đây là một quy định hoàn toàn mới và được coi là rất tiến bộ khi đã chính thức công nhận công chứng là một loại hình dịch vụ.

Công chứng giữ vai trò quan trọng trong xã hội và cũng đồng thời còn nhiều bất cập có thể dẫn đến thiệt hại cho khách hàng. Những thiệt hại đó có sự ràng buộc đối với văn phòng công chứng. Đó là trách nhiệm phải bồi thường. Một số sai sót phổ biến gồm: công chứng giấy tờ giả mạo do không kiểm tra kỹ, dẫn đến giao dịch bị hủy; công chứng hợp đồng vô hiệu do vi phạm pháp luật hoặc năng lực hành vi dân sự của một bên không đủ điều kiện; không xác minh tình trạng tài sản, khiến khách hàng mua phải tài sản đang thế chấp hoặc tranh chấp; sai sót trong nội dung hợp đồng làm thay đổi quyền lợi của các bên. Những lỗi này có thể gây tổn thất tài chính lớn, buộc văn phòng công chứng phải bồi thường theo quy định.

2. Văn phòng công chứng

Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu ra đời thì mới có cơ sở pháp lý đầu tiên để khẳng định rằng văn phòng công chứng là tổ chức kinh tế, theo đó, khoản 14 Điều 3 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: "Tổ chức kinh tế quy định tại Nghị định này là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, hoạt động theo các luật: công chứng, luật sư, giám định tư pháp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, hợp tác xã".

Khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng năm 2014 quy định: "Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh. Văn phòng công chứng phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên. Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn" (Đào Duy An, 2020).

Với đặc thù hoạt động dưới loại hình danh nghiệp là công ty hợp danh quyền và nghĩa vụ của văn phòng công chứng được quy định như sau:

Về quyền của văn phòng công chứng (Điều 32, Luật Công chứng, 2014):

a) Được ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động với công chứng viên của các phòng công chứng và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng công chứng và các nhân viên làm việc cho tổ chức mình. Đây là quyền cơ bản của tổ chức hành nghề công chứng. Hoạt động công chứng là một hoạt động khá phức tạp, đòi hỏi nhiều kỹ năng như nghiên cứu áp dụng pháp luật; hướng dẫn khách hàng về thủ tục; kiểm tra giấy tờ về nhân thân, tài sản; soạn thảo hợp đồng; lưu trữ hồ sơ... Những công việc này cần được

tiến hành nhanh chóng, chính xác để đảm bảo cho hoạt động công chứng luôn được trôi chảy, không bị ùn tắc. Do đó, bên cạnh công chứng viên là người đóng vai trò trung tâm, chỉ đạo, điều hành và phối hợp các hoạt động, Luật Công chứng năm 2014 cho phép các tổ chức hành nghề công chứng được thuê nhân viên để làm việc cho tổ chức của mình. Những nhân viên này sẽ hỗ trợ công chứng viên trong từng hoạt động cụ thể, qua đó giúp hoạt động công chứng đạt hiệu quả cao nhất (Lại Thị Bích Ngà, 2020: 131-132) thông qua các hoạt động:

b) Có quyền thu phí công chứng, thù lao công chứng, chi phí khác.

c) Có quyền cung cấp dịch vụ công chứng ngoài ngày, giờ làm việc và ngoài trụ sở đáp ứng nhu cầu công chứng của cư dân.

d) Được khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng để cung cấp cho công chứng viên tác nghiệp.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật. Ngoài những quyền cơ bản được trình bày ở trên thì tổ chức hành nghề công chứng còn có các quyền khác theo quy định của pháp luật như: Ngoài phí công chứng, thù lao công chứng, tổ chức hành nghề công chứng được quyền thu các chi phí khác như phí xác minh, phí giám định hoặc công chứng ngoài trụ sở; quyền được thay đổi tên gọi, thay đổi trụ sở; quyền được đề nghị công chứng viên, nhân viên, người phiên dịch là cộng tác viên bồi hoàn sau khi tổ chức hành nghề công chứng đã bồi thường cho người yêu cầu công chứng vì lỗi của họ gây ra...

Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm trong phạm vi hoạt động hỗ trợ, bảo đảm điều kiện cho công chứng viên hành nghề và cũng là đầu mối giúp công chứng viên thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Vì vậy, pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của văn phòng công chứng tương xứng với quyền và nghĩa vụ của công chứng viên. Văn phòng công chứng không làm thay chức năng của công chứng viên mà chỉ thực hiện tổ chức, quản lý, hỗ trợ và bảo đảm cho hoạt động hành nghề của công chứng viên thuận lợi, an toàn và liên tục.

3. Bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng

3.1. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng được xác định dựa trên bốn yếu tố pháp lý cơ bản. Nếu hội tụ đủ các yếu tố này, công chứng viên hoặc tổ chức hành nghề công chứng phải chịu trách nhiệm bồi thường. Đó là: (1) Hành vi trái pháp luật (công chứng sai, công chứng giấy tờ giả...). Hành vi trái pháp luật là yếu tố đầu tiên để xác định trách nhiệm bồi thường. Trong hoạt động công chứng, hành vi trái pháp luật việc công chứng sai quy định, công chứng viên không tuân thủ quy trình, không giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, dẫn đến hợp đồng bị tuyên vô hiệu; công chứng giấy tờ giả, giấy tờ không hợp lệ. Trong trường hợp này, công chứng viên không phát hiện hoặc cố ý làm ngơ trước giấy tờ giả hoặc không kiểm tra tình trạng pháp lý của tài sản. Trường hợp này có thể là công chứng viên không kiểm tra xem tài sản có đang thế chấp, bị kê biên, có tranh chấp hay không hoặc công chứng hợp đồng không đúng quy.

Từ hành vi trái pháp luật đó dẫn đến: (2) Thiệt hại thực tế xảy ra (mất tiền, mất tài sản...). Thiệt hại thực tế là những tổn thất có thể đo lường được về tài sản, quyền lợi hoặc chi phí phát sinh do lỗi của công chứng viên hoặc tổ chức hành nghề công chứng. Thiệt hại thực tế phải xác định được con số cụ thể và có bằng chứng chứng minh. Pháp luật Việt Nam không có định nghĩa thế nào là "thiệt hại". Theo nghĩa thông thường, chúng ta có thể hiểu: "Thiệt hại là những tổn thất thực tế được tính thành tiền, do việc xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ, danh dự, uy tín, tài sản của cá nhân, tổ chức" (Lê Văn Cường, 2021).

Thiệt hại đó bao gồm thiệt hại về tài sản, thiệt hại về cơ hội kinh doanh và thiệt hại về tinh thần. Một căn cứ quan trọng khác, đó là: (3) mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại. Mối quan hệ nhân quả là mối liên hệ trực tiếp giữa hành vi sai phạm của công chứng

viên và thiệt hại thực tế mà người bị hại phải chịu. Chỉ khi có đủ bằng chứng chứng minh rằng sai phạm của công chứng viên là nguyên nhân gây ra thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường mới được xác lập. Trên thực tế, việc xác định mối liên hệ này có nhiều khó khăn. Trong nhiều trường hợp, thiệt hại xảy ra không phải do lỗi duy nhất của công chứng viên mà có thể xuất phát từ nhiều yếu tố khác như hành vi gian lận của bên thứ ba, lỗi của người giao dịch, hoặc quy định pháp luật chồng chéo. Có lỗi (dù là cố ý hay vô ý) (Điều 584, Bộ luật Dân sự, 2015). Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại được ghi nhận trong luật hiện hành là lỗi mặc định, suy đoán, tức là có hành vi gây thiệt hại, có hậu quả thiệt hại và có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả thì trách nhiệm được quy kết; người có hành vi gây thiệt hại chỉ được miễn trách nhiệm trong trường hợp thiệt hại phát sinh do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại (Nguyễn Ngọc Điện, 2018: 292).

3.2. Chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại

Theo Luật Công chứng năm 2014 thì chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng gồm người yêu cầu công chứng và các cá nhân, tổ chức khác bị thiệt hại do hành vi công chứng gây ra.

Thứ nhất, người yêu cầu công chứng: Người yêu cầu công chứng là cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài có yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch theo quy định của khoản 3 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014. Người yêu cầu công chứng có thể là cá nhân (người Việt Nam hoặc người nước ngoài) phải có năng lực hành vi dân sự (khoản 1 Điều 47, Luật Công chứng, 2014). Các nhà làm luật chỉ quy định đối với người yêu cầu công chứng là cá nhân có "năng lực hành vi dân sự" chứ không quy định phải có "năng lực hành vi dân sự đầy đủ". Điều này là phù hợp với một số quy định khác của Bộ luật Dân sự năm 2015 như quy định về người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có quyền lập di chúc nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý (Điều 625, Bộ luật Dân sự, 2015). Hoặc theo khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015: người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Trường hợp người yêu cầu công chứng là tổ chức thì việc yêu cầu công chứng được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đó. Người yêu cầu công chứng phải xuất trình đủ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó (Điều 47, Luật Công chứng, 2014).

Thứ hai, các tổ chức cá nhân khác bị thiệt hại trong hoạt động công chứng: ngoài chủ thể trực tiếp yêu cầu công chứng như đã phân tích, các nhà làm luật còn quy định loại chủ thể thứ hai có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đó là các "cá nhân, tổ chức khác" cũng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các chủ thể này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng bị thiệt hại do hành vi công chứng gây ra cho họ. Các chủ thể này trong mối quan hệ với tổ chức hành nghề công chứng không xác lập một giao ước hay văn bản gì, họ chỉ là người có lợi ích bị xâm phạm, bị thiệt hại do hành vi công chứng sai sót có liên quan tới tài sản của họ. Ví dụ: họ là người thừa kế bị bỏ sót trong quan hệ thừa kế, người đã đặt cọc mua bán nhà mà nhà đã bán cho người khác trong quan hệ mua bán nhà… Điều này, khác hoàn toàn với chủ thể trực tiếp là "người yêu cầu công chứng" như đã phân tích ở trên.

Cả hai chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng (người yêu cầu công chứng và các cá nhân, tổ chức khác bị thiệt hại) nêu trên đã được luật hoá trong Luật Công chứng năm 2014. Tuy nhiên, tham khảo toàn văn Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì chưa có điều khoản nào rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu công chứng và các tổ chức, cá nhân khác.

3.3. Chủ thể thực hiện bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng

Chủ thể thực hiện trách nhiệm bồi thường trong hoạt động công chứng là những chủ thể có nghĩa vụ thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Hiện nay, vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau về chủ thể thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng là văn phòng công chứng (trách nhiệm riêng rẽ) hay là trách nhiệm liên đới (vừa là văn phòng công chứng vừa là công chứng viên, nhân viên, người phiên dịch của văn phòng công chứng gây thiệt hại).

Theo Điều 38 Luật Công chứng năm 2014 thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng thuộc về văn phòng công chứng bởi văn phòng công chứng là cơ quan trực tiếp quản lý công chứng viên, quản lý người phiên dịch, điều này chưa phù hợp bởi lẽ công chứng là một nghề có tính đặc thù, khi thực hiện công chứng, công chứng viên phải giữ bí mật thông tin của người yêu cầu công chứng, công chứng viên phải độc lập, khách quan, vô tư và chỉ tuân theo pháp luật. Pháp luật quy định văn phòng công chứng có trách nhiệm quản lý công chứng viên nhưng lại không tạo lập và trao cho văn phòng công chứng cơ chế và công cụ quản lý thì văn phòng công chứng không thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ các nguyên tắc hành nghề đối với công chứng viên.

Còn đối với hoạt động công chứng bản dịch, chức năng chuyển thể từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác không phải chức năng của văn phòng công chứng mà thuộc về người phiên dịch; người phiên dịch không phải là nhân viên, người lao động thuộc sự quản lý của văn phòng công chứng mà họ có địa vị pháp lý độc lập với văn phòng công chứng với tư cách là đối tác, là cộng tác viên của văn phòng công chứng. Hơn nữa, văn phòng công chứng cũng như công chứng viên không thể kiểm soát được nội dung văn bản bằng tiếng nước ngoài nhưng pháp luật lại quy định công chứng viên phải chứng nhận nội dung bản dịch là chính xác, là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội là quy định bất hợp lý. Chứng nhận bản dịch không phải là hành vi công chứng mà là hành vi chứng thực chữ ký của người dịch. Điều đó cho thấy công chứng viên không thể chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính hợp pháp của nội dung văn bản bằng tiếng nước ngoài; có chăng công chứng viên chỉ chịu trách nhiệm đối với chữ ký của người dịch là chính xác mà thôi. Do đó, văn phòng công chứng không có khả năng kiểm tra, giám sát tác nhân gây ra thiệt hại thì pháp luật không nên quy định văn phòng công chứng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do chủ thể khác có địa vị pháp lý độc lập gây ra.

Có thể thấy rằng, trách nhiệm bồi thường được quy định tại Điều 38 Luật Công chứng năm 2014 không được xây dựng dựa trên các nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói chung (có thiệt hại xảy ra, hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật, có lỗi của người gây thiệt hại và có mối liên hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật) mà dường như mong muốn của nhà làm luật là tạo ra một cơ chế bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, văn phòng công chứng đóng vai trò của bên bảo đảm trong việc đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (Nguyễn Văn Mích, 2020: 122-124). Tuy nhiên, trong điều kiện không còn quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng, việc thành lập văn phòng công chứng không còn bị hạn chế số lượng, với tác động từ quy luật cung cầu và cơ chế cạnh tranh như hiện nay, thì việc văn phòng công chứng tự chấm dứt hoạt động, tự giải thể sẽ là tất yếu và không thể tránh khỏi, do vậy cơ chế bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng không thể dựa vào văn phòng công chứng mà nên quy định cơ chế tự chịu trách nhiệm cá nhân và trực tiếp từ phía công chứng viên, người phiên dịch với tư cách là người có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại.

Mặt khác, tại Điều 71 Luật Công chứng năm 2014 lại quy định xử lý vi phạm đối với công chứng viên như sau: "Công chứng viên vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách

nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật". Như vậy, có thể thấy rằng quy định này đã có sự thiếu thống nhất trong việc xác định chủ thể bồi thường. Điều 38 xác định chủ thể bồi thường là tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nhưng tại Điều 71 lại quy định chủ thể bồi thường là công chứng viên (Bùi Thị Long, Phạm Anh Tuấn, 2022).

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng

Từ thực trạng pháp luật, để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

4.1. Khắc phục sự mâu thuẫn giữa Điều 38 và Điều 71 Luật Công chứng 2014 về chủ thể bồi thường

Điều 38 khẳng định trách nhiệm bồi thường trước tiên thuộc về tổ chức hành nghề công chứng, sau đó mới xem xét việc công chứng viên có phải bồi hoàn hay không. Trong khi đó, nếu chỉ áp dụng Điều 71, có thể hiểu rằng công chứng viên vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc hình sự, nhưng không có nghĩa vụ bồi thường. Điều này dẫn đến tình huống người bị thiệt hại có thể không biết yêu cầu bồi thường từ ai - văn phòng công chứng hay trực tiếp từ công chứng viên.

Điều 71 Luật Công chứng 2014 nên sửa đổi như sau: "Công chứng viên vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi hoàn theo quy định của Điều 38 Luật này".

Quy định trách nhiệm bồi thường trực tiếp thuộc về chủ thể của hành vi trái pháp luật là cá nhân công chứng viên, người phiên dịch thay vì cơ chế bồi thường gián tiếp thông qua văn phòng công chứng hoặc quy định rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng là trách nhiệm liên đới. Bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng và/hoặc công chứng viên, nhân viên, người phiên dịch gây thiệt hại phải bồi thường nhằm đảm bảo thiệt hại luôn được bồi thường toàn bộ và kịp thời.

4.2. Mở rộng quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại sang các đối tượng là doanh nghiệp bảo hiểm trách nhiệm nghề công chứng

Nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên là nghĩa vụ bắt buộc đối với văn phòng công chứng. Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành không hề đề cập tới vai trò của doanh nghiệp bảo hiểm trong cơ chế bồi thường. Chế độ bảo hiểm bắt buộc của công chứng viên được thực hiện theo Điều 37 của Luật Công chứng năm 2014, nhằm giảm thiểu trách nhiệm bồi thường của tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên khi gây thiệt hại với tiêu chí "chia sẻ rủi ro, hài hòa trách nhiệm". Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014 xác định chủ thể của việc bồi thường là tổ chức hành nghề công chứng. Nếu tổ chức hành nghề công chứng đã mua bảo hiểm cho công chứng viên của mình khi phát sinh thiệt hại thì doanh nghiệp bảo hiểm phải chi trả cho việc bồi thường thiệt hại, việc trả thay cho công chứng viên hay tổ chức hành nghề công chứng rất quan trọng vì điều này sẽ quyết định vai trò tham gia tố tụng của doanh nghiệp bảo hiểm trong các vụ án có liên quan đến trách nhiệm bồi thường trong quá trình công chứng (Hoàng Mạnh Thắng, 2022: 103).

Do vậy, cần hoàn thiện cơ chế bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng. Hiện nay, các quy định về bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng còn hình thức và bộc lộ nhiều bất cập như: tên gọi của bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng, điều kiện được hưởng bảo hiểm, giới hạn bồi thường, thời hạn bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm… Trước tiên, cần sửa đổi tên gọi "bảo hiểm trách nhiệm nghề của công chứng viên"

trong Luật Công chứng năm 2014 và Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng thành "bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng" vì: bên cạnh chủ thể chủ yếu là công chứng viên thì hoạt động công chứng còn được thực hiện bởi các chủ thể khác như nhân viên, người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức hành nghề công chứng, để đảm bảo bao quát được hết các thiệt hại do các chủ thể thực hiện hoạt động công chứng gây ra; tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng cho công chứng viên và nhân viên, người phiên dịch của tổ chức hành nghề công chứng của mình. Khi tổ chức hành nghề công chứng đã mua bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động công chứng thì bất kỳ công chứng viên, nhân viên, người phiên dịch của tổ chức hành nghề công chứng mà gia nhập, làm việc cho tổ chức hành nghề công chứng dưới mọi hình thức đều thuộc đối tượng được bảo hiểm.

Nếu như những biện pháp phòng ngừa thiệt hại như bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp giải quyết hậu quả khi có bồi thường xảy ra thì một giải pháp mang tính chất ngăn ngừa rủi ro là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng thống nhất giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hiện tại mới xây dựng được ở cấp tỉnh), được liên thông, liên kết với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia khác liên quan đến công chứng (cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, đất đai, thuế,...), cho phép các tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên truy cập, tra cứu tình trạng tài sản giao dịch, từ đó có thể ngăn chặn tình trạng "giấy tờ giả, người giả" gây thiệt hại cho những người liên quan, tránh nguy cơ bồi thường thiệt hại xảy ra trong hoạt động công chứng.

4.3. Xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại do công chứng viên gây ra

Theo Điều 38 Luật Công chứng 2014, tổ chức hành nghề công chứng phải chịu trách nhiệm bồi thường khi công chứng viên có lỗi. Tuy nhiên, nếu tổ chức này không đủ khả năng tài chính, cần có sự hỗ trợ từ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc Quỹ bảo vệ quyền lợi người bị thiệt hại trong công chứng để đảm bảo khả năng chi trả. Quỹ bảo vệ quyền lợi người bị thiệt hại trong công chứng là một cơ chế tài chính giúp bồi thường cho những cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do sai sót của công chứng viên hoặc văn phòng công chứng. Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không đủ khả năng tài chính để bồi thường, quỹ này sẽ đảm bảo người dân không bị mất quyền lợi. Nguồn tài chính của quỹ có thể đến từ đóng góp của các tổ chức hành nghề công chứng, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, tiền phạt từ vi phạm công chứng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đặc biệt.

Hiện nay, nhiều quốc gia đã áp dụng mô hình này nhằm bảo vệ quyền lợi của người dân. Tại Pháp, hệ thống bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc của công chứng viên kết hợp với quỹ do Phòng Công chứng Quốc gia quản lý giúp đảm bảo bồi thường khi có sai sót. Ở Canada, đặc biệt là tỉnh Québec, có Quỹ bảo vệ người tiêu dùng trong công chứng, hỗ trợ nạn nhân trong các giao dịch bị công chứng sai. Mỹ cũng áp dụng mô hình tương tự, một số bang yêu cầu công chứng viên đóng góp vào Quỹ bảo vệ công chứng để đảm bảo khả năng bồi thường. Tại Đức, công chứng viên bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, đồng thời có một quỹ riêng do Hiệp hội Công chứng viên quản lý để bồi thường trong trường hợp công chứng viên mất khả năng tài chính.

Việt Nam có thể học hỏi các mô hình này để xây dựng Quỹ bảo vệ quyền lợi người bị thiệt hại trong công chứng, giúp nâng cao trách nhiệm của tổ chức công chứng và đảm bảo an toàn pháp lý cho người dân.

5. Kết luận

Hoạt động công chứng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính pháp lý của các giao dịch dân sự, góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và duy trì trật tự xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn nhiều bất cập trong việc bồi thường thiệt hại khi xảy ra sai sót trong công chứng, từ sự mâu thuẫn trong quy định pháp luật đến những khó khăn trong thực thi trách nhiệm bồi thường. Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bồi thường thiệt hại trong công chứng, cần hoàn thiện khung pháp lý, đặc biệt là thống nhất quy định giữa Điều 38 và Điều 71 Luật Công chứng 2014. Đồng thời, việc thiết lập Quỹ bảo vệ quyền lợi người bị thiệt hại trong công chứng và tăng cường bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp sẽ giúp đảm bảo khả năng bồi thường khi xảy ra sai sót. Cơ chế giải quyết bồi thường cần minh bạch, nhanh chóng, giảm thiểu tranh chấp và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân. Nhìn chung, việc cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bồi thường thiệt hại trong công chứng không chỉ nâng cao trách nhiệm của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng mà còn góp phần xây dựng một môi trường giao dịch an toàn, minh bạch và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

Bộ Tài chính. (2016). *Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng*.

Bộ Tài chính (2017), *Thông tư số 111/2017/TT-BTC* ngày 20/10/2017 *sửa đổi, bổ sung Thông tư số 257/2016/TT-BTC*.

Bùi Thái Hà. (2020). "Đại vị pháp lý của công chứng viên". Trong sách: Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thị Thúy Hồng (chủ biên). *Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng*. t.1. Nxb. Tư pháp.

Bùi Thị Long, Phạm Anh Tuấn. (2022). *Vấn đề bồi thường thiệt hại của công chứng viên trong hoạt động nghề nghiệp*. https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/343614/CVv168S6112022013.

Chính phủ. (2015). *Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng*.

Chính phủ. (2016). *Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu.*

Đào Duy An. (2020). *Hình thức tổ chức của văn phòng công chứng theo pháp luật Việt Nam*. https://daoduyan.com/2020/04/nvmic

Hoàng Mạnh Thắng. (2022). *Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay* [Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội].

Hoàng Văn Hữu. (2022). *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng theo pháp luật Việt Nam* [Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội].

Lại Thị Bích Ngà. (2020). "Tổ chức hành nghề công chứng". Trong sách: Nguyễn Xuân Thu, Phạm Thị Thúy Hồng (chủ biên). *Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng*. Nxb. Tư pháp.

Lê Văn Cường. (2021). Một số vướng mắc về giải quyết bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm. *Tạp chí Toà án Nhân dân.* https://tapchitoaan.vn/mot-so-vuong-mac-ve-giai-quyet-boi-thuong-thiet-hai-do-tinh-mang-suc-khoe-bi-xam-pham

Nguyễn Ngọc Điện. (2018). *Giáo trình Luật dân sự*. t.2. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thuỳ Linh. (2024). *Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công chứng ở Việt Nam. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. https://lsvn.vn/nang-cao-hieu-qua-quan-ly-nha-nuoc-ve-cong-chung-o-viet-nam-1720881513-a145346.html

Nguyễn Văn Mích. (2020). *Hình thức pháp lý của văn phòng công chứng theo pháp luật Việt Nam* [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội].

Phạm Việt Dũng. (2021). Xã hội hóa dịch vụ công tiếp cận dưới góc độ sở hữu. *Tạp chí Cộng sản.*

Quốc hội. (2006). *Luật Công chứng*, số 82/2006/QH11.

Quốc hội. (2014). *Luật Công chứng*, số 53/2014/QH13.

Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự*, số 91/2015/QH13.